

Bản án số: 129/2025/HS-ST

Ngày 28 – 03 – 2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Đỗ Thanh Ngọc.
- *Các hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Văn Hiệp và ông Nguyễn Như H.
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Khánh Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn H - Kiểm sát viên.

Ngày 28/3/2025, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 126/2025/HSST ngày 07 tháng 3 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 129/2025/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn P, sinh năm 1996; HKTT: Thôn Hòa An, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn B, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969; Vợ: Vũ Thị L, sinh năm 1998; Con: Có 02, con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2021.

Tiền án: Tại bản án số 15/2022/HSST ngày 23/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Ninh xử phạt 12 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo ra trại ngày 04/8/2023 và đã chấp hành xong toàn bộ bản án.

Tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 19/09/2024 đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực thành phố B – Phòng PC11 Công an tỉnh Bắc Ninh, có mặt tại phiên tòa.

2. Đặng Ngọc C, sinh năm 1997; HKTT: Thôn Xuân Hội, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Đặng Ngọc T, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1971; Vợ: Lương Thị M, sinh năm 1992; Con: Có 01 con sinh năm 2023.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/09/2024 đến ngày 17/9/2024, được áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

3. Nguyễn Mạnh H, sinh năm 1995; HKTT: Thôn Xuân Hội, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Nguyễn Văn C, sinh năm 1970 và bà Ngô Thị S, sinh năm 1972; Vợ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1994; Con: Có 03 con, con lớn N sinh năm 2016, con nhỏ N sinh năm 2020.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/09/2024 đến ngày 17/9/2024, được áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

4. Lê P Đ, sinh năm 1998; HKTT: Thôn 7, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa.

Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông: Lê Hồng S, sinh năm 1963 và bà Đinh Thị T, sinh năm 1970; Vợ: Trương Thị Hồng V, sinh năm 2001 (đã ly hôn); Con: Có 01 con sinh năm 2021.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/09/2024 đến nay tại Phân trại tạm giam khu vực thành phố B – Phòng PC11 Công an tỉnh Bắc Ninh, có mặt tại phiên tòa.

* Bị hại: Công ty TNHH G; Địa chỉ: Khu công nghiệp Nam Sơn – Hạp Lĩnh, phường Nam Sơn, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh.

Đại diện theo pháp luật: Ông Jiang Hong Zhai, chức vụ: Chủ tịch công ty.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Lục Văn Đ, sinh năm 1994; HKTT: Thôn Phúc Đồng, xã Kim Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang (Có mặt).

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Lê Hồng T, sinh năm 1992; HKTT: Thôn 7, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 20/8/2024, **Nguyễn Văn D**, sinh năm 1991; HKTT: khu Hòa Đình, phường V, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh; **Lê P Đ**, sinh năm 1998; HKTT: thôn 7, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; **Lưu Văn N**, sinh năm 1995; HKTT: thôn Đìa, xã Tân Hiệp, huyện Yên Thế, tỉnh Bắc Giang; **Nguyễn Văn P**, sinh năm 1996; HKTT: thôn Hòa An, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Giang; **Đặng Ngọc C**, sinh năm 1997 và **Nguyễn Mạnh H**, sinh năm 1995; cùng HKTT: thôn Xuân Hội, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh đều là công nhân tại bộ phận sản xuất tầng 4, tòa nhà A5 công ty TNHH Goertek thuộc khu công nghiệp Nam Sơn – Hạp Lĩnh, phường Nam Sơn, thành phố B ra khu vực hút thuốc lá của công ty. Tại đây, P nói với mọi người muốn lấy trộm tai nghe không dây của công ty để bán ra ngoài bán lấy tiền ăn tiêu cá nhân, D có chỗ tiêu thụ thì cả nhóm đồng ý và thống N cách thức lấy trộm từ chỗ sản xuất đưa ra phòng sửa khuôn, đi theo hướng đường xe rác ra nhà rác của công ty rồi mang ra ngoài, mọi người cũng hỗ trợ nhau trong việc thực hiện trộm cắp, ai lấy được nhiều thì hưởng nhiều, Đ

là người sẽ giúp sức việc chạy đơn ra từ chỗ làm việc (phòng 6S) đến nơi tập kết rác của công ty là khu A8 thì sẽ được chia 50.000đ đồng/1 tai nghe sau khi lấy trộm được, đồng thời Đ bày cách cho mọi người lấy 01 thanh ống thép rỗng ruột cho tai nghe vào trong ruột ống thép rồi bắt vít vào gầm xe đẩy rác mang ra khu rác A8 thì tháo ống thép lấy tai nghe mang ra ngoài tiêu thụ, mọi người N trí cách thức này của Đ. Quá trình chuẩn bị, Đ đã lấy được thanh nhôm và cùng với H gắn được thanh nhôm đã bắt vít hai đầu ống vào gầm xe để sẵn ở phòng sửa khuôn.

Khoảng 21 giờ ngày 22/8/2024, C đang làm ở dây chuyền R5 thì P chỉ cho C vị trí lấy tai nghe, C liền đẩy xe đi thu khay nhựa đựng tai nghe đến vị trí các khay có đựng tai nghe bên trong, lợi dụng mọi người không để ý C lấy trộm 02 khay có đựng tai nghe (mỗi khay khoảng 40 chiếc) để vào trong xe rồi đẩy ra vị trí của P, lúc này P cũng lấy được 02 khay tai nghe để vào xe của C. Sau khi lấy trộm được, C và P cùng đẩy xe về phòng sửa khuôn cất giấu, P đi ra dây chuyền lấy các vỏ bao ngón cao su màu vàng rồi quay lại cùng nhét vào trong bao ngón cao su, lúc này N đi đến đưa cho P một túi tai nghe đã được bọc trong bao ngón cao su (lấy ở dây chuyền nào thì P không rõ). Khi bọc xong tất cả số tai nghe vừa trộm cắp được thì P gọi Đ sang phòng sửa khuôn để tháo thanh nhôm ra, Đ liền sang tháo thanh nhôm ra rồi cùng C, P, N nhét toàn bộ số tai nghe vào trong ống nhôm, Đ trở lại chỗ làm việc, nhét xong P tiếp tục gọi Đ sang hàn thanh nhôm lại chờ mang ra ngoài.

Đến khoảng 01 giờ ngày 23/8/2024, đến giờ đi đổ rác thì C, P, H, N và Đ cùng đẩy rác có chứa tai nghe vừa trộm cắp được ra ngoài nhà rác, khi đến nhà rác thì C và Đ đứng bên ngoài cảnh giới để N, H đổ rác, còn P lấy tai nghe từ trong thanh sắt ra cất vào trong người. Sau đó, H điều khiển xe mô tô Honda Wave màu xám (là xe H mượn của người bạn cùng làm, hiện không rõ tên tuổi, địa chỉ, không nhớ rõ biển kiểm soát) chở C, P mang về phòng trọ của P ở khu Tự Thôn, phường Nam Sơn, thành phố B để cất giấu. Tại đây, P, C, H bỏ ra đếm thì được 240 tai nghe (trong đó 80 cái là của P, 80 cái là của N và 80 cái là của C), rồi để lại tại phòng trọ của P và quay lại làm việc bình thường, H trả chiếc xe mô tô luôn cho người bạn. Đến 06 giờ cùng ngày, khi hết giờ làm việc, tất cả về phòng trọ của P, tại đây các bị cáo bàn cách bán tai nghe và chia tiền, D nhận thu mua với giá 400.000 đồng/1 tai nghe thì tất cả đồng ý, tai nghe của ai lấy trộm được thì người đẩy bán và hưởng toàn bộ, sau đó chia Đ 50.000 đồng/1 tai nghe như đã thỏa thuận. Tại đây, N bán luôn cho D 80 chiếc tai nghe được 32.000.000 đồng, D mang về nhà cất giấu; còn số tai nghe của P, C, H (160 chiếc) thì P và H mang trực tiếp đến nhà của D bán được số tiền 64.000.000 đồng, P cầm tiền chia cho H 32.000.000 đồng (*H nhờ P đưa lại cho Đ 4.000.000 đồng, P cho Đ thêm 2.000.000 đồng, P lại nhờ N đưa cho Đ tổng 6.000.000 đồng*), H chia cho C 14.000.000 đồng; D chia cho Đ 4.000.000 đồng, sau đó N đưa cho Đ 10.000.000 đồng (*trong đó 6.000.000 đồng của H, P; 4.000.000 đồng của N*). Đến khoảng 02 giờ ngày 26/8/2024, D mang số tai nghe trên được bọc trong túi nilon màu đen dán kín nhiều lớp để bán nhưng chưa bán được, D nhờ P mang về phòng cất giấu, khi nào D xử lý được sẽ lấy lại, P đồng ý mang về cất

giấu vào tH cát tông để ở chuồng gà trong góc vườn. Tổng số tiền các bị cáo được hưởng lợi từ việc trộm cắp là: P được 30.000.000 đồng, N được 28.000.000 đồng, H được 14.000.000 đồng, C được 14.000.000 đồng, Đ được 14.000.000 đồng. D nhận mua toàn bộ 240 chiếc tai nghe với giá 400.000 đồng/chiếc.

Khoảng 07 giờ ngày 26/8/2024, anh Lục Văn Đ, sinh năm 1994; HKTT: thôn Đồng Phúc, xã Kim Sơn, huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang là đại diện ủy quyền công ty TNHH Goertek đến Công an phường Nam Sơn, thành phố B trình báo về việc công ty bị mất trộm khoảng 400 chiếc tai nghe không dây hiệu M1, M2 đã hoàn thiện chưa xuất bán ra thị trường.

Ngày 11/9/2024, Lê P Đ, Đặng Ngọc C, Nguyễn Mạnh H đến Công an thành phố B đầu thú.

Ngày 06/02/2025, Nguyễn Văn P khai ra số tai nghe D nhờ giữ hộ để mang đi bán, P đã tác động gia đình là chị Vũ Thị L, sinh năm 1998; HKTT: thôn Hòa An, xã H, huyện T, tỉnh Bắc Giang mang bọc túi nilon màu đen lên Cơ quan CSĐT Công an thành phố B giao nộp, khi bóc ra kiểm tra bên trong có chứa 190 chiếc tai nghe điện thoại không dây màu trắng ký hiệu M1-M2 và tạm giữ để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản Kết luận định giá trong tố tụng hình sự số 256/KL-HĐĐGTS ngày 16/9/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự UBND thành phố B kết luận: 400 chiếc tai nghe không dây hiệu M1-M2, màu trắng, là sản phẩm độc quyền, đã là thành phẩm chưa xuất ra bán tại thị trường Việt Nam, có trị giá 531.110 đồng/1 chiếc, tổng giá trị 400 chiếc tai nghe là 212.444.000 đồng.

Tại Cơ quan CSĐT Công an thành phố B, các bị cáo Nguyễn Văn P, Lê P Đ, Đặng Ngọc C, Nguyễn Mạnh H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của bản thân.

Với nội dung trên, Cáo trạng số 74/CT-VKSTPBN ngày 07 tháng 3 năm 2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố các bị cáo Nguyễn Văn P, Lê P Đ, Đặng Ngọc C, Nguyễn Mạnh H về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Quá trình xét hỏi tại phiên toà, các bị cáo P, C, H và Đ đều thừa nhận ngày 22/8/2024 các bị cáo đã thực hiện hành vi trộm cắp 240 chiếc tai nghe. Hành vi các bị cáo thực hiện giống hành vi như nội dung bản cáo trạng đã nêu.

Đại diện theo ủy quyền của bị hại Công ty TNHH G là anh Lục Văn Đ có mặt trình bày việc cơ quan công an xử lý các bị cáo trộm cắp 240 chiếc tai nghe thì anh không có ý kiến gì. Anh xác nhận Công ty đã nhận lại 190 chiếc tai nghe do bị cáo P giao nộp cho cơ quan Công an và số tiền các bị cáo H, C, Đ bồi thường nên anh không yêu cầu các bị cáo P, H, C, Đ phải bồi thường gì thêm. Anh cũng đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Lê Hồng T có mặt trình bày bị cáo Đ có tác động đến gia đình để bồi thường. Số tiền anh bỏ ra bồi thường cho Công ty là tiền của anh, anh không yêu cầu bị cáo phải trả lại.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B giữ quyền công tố tại phiên toà giữ nguyên Cáo trạng truy tố Nguyễn Văn P, Lê P Đ, Đặng Ngọc C, Nguyễn Mạnh H về tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ điểm c, khoản 2, Điều 173; Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự. Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn P từ 42 tháng đến 46 tháng tù.

Căn cứ điểm c, khoản 2, Điều 173; Điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Lê P Đ, Đặng Ngọc C và Nguyễn Mạnh H mỗi bị cáo từ 34 tháng đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách mỗi bị cáo 60 tháng.

- Ý kiến của các bị cáo: Các bị cáo N trí với phần luận tội và không tham gia tranh luận với đại diện Viện kiểm sát.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng: Đã thực hiện theo quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng. Vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án: Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với không gian, phù hợp với thời gian, địa điểm, cùng các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ thấy đã có đủ cơ sở để kết luận: Khoảng 21 giờ ngày 22/8/2024, Nguyễn Văn D, Nguyễn Văn P, Đặng Ngọc C, Nguyễn Mạnh H, Lê P Đ và Lưu Văn N là công nhân Công ty TNHH G; Địa chỉ: phường Nam Sơn, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh đã thực hiện hành vi trộm cắp 240 chiếc tai nghe của Công ty trị giá 127.466.400 đồng. Cụ thể: P, C và N mỗi người lấy trộm 02 khay mỗi khay có 40 chiếc tai nghe rồi lén lút mang sang phòng sửa khuôn để cất giấu. Tại phòng sửa khuôn, P, H, C, N đã cho 240 chiếc tai nghe vào trong thanh ống nhôm mà Đ đã chuẩn bị sẵn gắn dưới gầm xe đẩy rác, rồi cùng đẩy ra nhà để rác và tháo ra mang về phòng của P cất giấu.

Vậy, Cáo trạng truy tố số 74/CT-VKSNDTPBN ngày 07/3/2025 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố các bị cáo Nguyễn Văn P, Lê P Đ, Đặng Ngọc C, Nguyễn Mạnh H về tội trộm cắp tài sản theo điểm c khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là hoàn toàn đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ của hành vi phạm tội: Hành vi phạm tội của các bị cáo đã trực tiếp xâm hại đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do vậy, cần phải xử lý nghiêm minh để răn đe, trừng trị đối

với các bị cáo qua đó nâng cao hiệu quả của công tác đấu tranh, phòng ngừa tội phạm góp phần tạo môi trường an ninh trật tự trên địa bàn khu dân cư của địa P.

Đây là vụ án có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn do các bị cáo cùng nhau thực hiện tội phạm, không có sự phân công nhiệm vụ rõ ràng mà tiếp nhận ý trí của nhau một cách tức thời. Các bị cáo đều có sự thống nhất trộm cắp tài nghe rồi đưa sau khi được P khởi xướng. Bị cáo C, N, P trực tiếp lấy điện thoại. Bị cáo Đ chuẩn bị thanh ống nhôm cất tài sản trộm cắp và cùng các bị cáo khác đẩy rác có giấu tài sản mang ra bãi rác để mang ra ngoài nên các bị cáo C, N có vai trò ngang nhau, bị cáo P có vai trò cao N, Đ có vai trò thấp N trong vụ án.

[4] Xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, nhân thân của bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo C, H, Đ không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Nguyễn Văn P tại bản án số 15/2020/HSST ngày 23/11/2022 của Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Ninh xử phạt bị cáo 12 tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”. Bị cáo chưa được xóa án tích mà đã tiếp tục phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng do cố ý nên phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm” quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử các bị cáo đều thành khẩn khai báo ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Các bị cáo C, H, Đ đã bồi thường cho Công ty Goerteck mỗi người 21.244.400 đồng và sau khi phạm tội đã đến Cơ quan CSĐT Công an thành phố B đầu thú; bị cáo P giao nộp 190 tài nghe mà D nhờ giữ hộ để mang đi tiêu thụ. Vậy nên các bị cáo P, Đ, H, C được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, s, khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Ngoài ra, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Đồng thời bị cáo H có ông ngoại Ngô Văn Chung, bị cáo C có ông nội Đặng Ngọc Đạo đều được nhà nước tặng Huân chương kháng chiến chống Mỹ cứu nước. Do đó, các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt: Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo HĐXX xét thấy các bị cáo là người đã trưởng thành có đầy đủ năng lực nhận thức nhưng không làm chủ được bản thân mà thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp thể hiện thái độ coi thường pháp luật. Bị cáo P đã từng bị đưa ra xét xử nhưng vẫn không lấy đó làm bài học bản thân mà tiếp tục phạm tội cho thấy bị cáo là người khó cải tạo nên cần phải có hình phạt nghiêm khắc xử phạt bị cáo hình phạt tù như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa mới đủ tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung. Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét tình tiết giảm nhẹ để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo nhằm thực hiện C sách khoan hồng của pháp luật.

Bị cáo Đ, C và H đều có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội cho bị cáo hưởng lương khoan hồng của pháp luật, cải tạo tại địa P cũng có tác dụng giáo dục bị cáo thành người có ích cho xã hội. Bị cáo C, H vai trò cao hơn nhưng có nhiều tình tiết giảm nhẹ hơn bị cáo Đ nên hình phạt của các bị cáo là ngang nhau.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, không có thu nhập, tài sản riêng nên miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về trách nhiệm dân sự:

Anh Lục Văn Đ đại diện Công ty Goertek xác nhận đã nhận bồi thường của bị cáo Đ, H, C mỗi bị cáo số tiền 21.244.400 đồng và 190 tai nghe do bị cáo P giao nộp cho Cơ quan Công an. Vậy, Công ty không yêu cầu các bị cáo P, Đ, H, C phải bồi thường gì thêm là tự nguyện nên không đặt ra xem xét.

[8] Về xử lý vật chứng:

Ngày 12/6/2024, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B đã trả cho Công ty Goertek 190 tai nghe không dây ký hiệu M1-M2. Đây là tài sản của bị hại nên việc trả là phù hợp quy định pháp luật.

Đối với 50 chiếc tai nghe mà không dây ký hiệu M1-M2 mà D đã bán, đến nay D đã trốn khỏi địa P, khi nào bắt được D sẽ làm rõ xử lý sau.

[9] Về các vấn đề khác:

Đối với các bị cáo Lưu Văn N và Nguyễn Văn D, đã trốn khỏi địa P, Cơ quan CSĐT Công an thành phố B đã triệu tập, xác minh điều tra truy tìm nhưng N, D vẫn cố tình trốn. Ngày 30/8/2024, Cơ quan CSĐT Công an thành phố B đã ra Quyết định truy tìm đối với đối với N, D. Ngày 07/02/2025, Cơ quan CSĐT Công an thành phố B đã kết thúc điều tra chuyên hồ sơ đề nghị truy tố, nhưng D, N vẫn trốn, nên Cơ quan điều tra đã ra Quyết định tách vụ án để xử lý sau là phù hợp.

Đối với việc bị hại trình báo mất 400 chiếc tai nghe không dây nhãn hiệu M1-M2, nhưng các bị cáo chỉ thừa nhận trộm cắp 240 chiếc, xét thấy các lời khai của P, C, H, Đ là phù hợp với nhau về việc đã trộm cắp tổng cộng 06 khay đựng tai nghe (mỗi khay có 40 tai nghe), tổng có 240 tai nghe, nên không có căn cứ để xử lý các bị cáo trộm cắp 400 chiếc tai nghe, mà chỉ xử lý các bị cáo trộm cắp 240 chiếc tai nghe (trong đó đã thu hồi được 190 chiếc) là phù hợp.

Đối với người bạn làm cùng với H ở trên tầng 4, tòa nhà A4 công ty Goertek mà H mượn chiếc xe mô tô Honda Wave màu xám để chở P, C về cất các tai nghe vừa trộm cắp được nhưng H H không biết tên, tuổi địa chỉ, không nhớ rõ đặc điểm do người này mặc áo bảo hộ, không nhớ biển kiểm soát chiếc xe mô tô nên Cơ quan điều tra chưa xác minh được, khi nào làm rõ sẽ xem xét xử lý sau là phù hợp.

Đối với chị Vũ Thị L là người cầm hộ Nguyễn Văn P 190 chiếc tai nghe lên giao nộp cho Cơ quan điều tra, nhưng quá trình thăm gặp P mới khai ra nhờ chị Lan giao nộp cho Cơ quan điều tra, chị Lan không biết được số tai nghe trên do P trộm cắp được cất giấu ở nhà, nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn P, Đặng Ngọc C, Nguyễn Mạnh H và Lê P Đ phạm tội “Trộm cắp tài sản”

1. Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; Điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự; Điều 329 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Văn P 42 (Bốn mươi hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 19/9/2024.

Quyết định tạm giam bị cáo Nguyễn Văn P 45 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm để đảm bảo việc thi hành án.

- Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 173; Điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65; Điều 17; Điều 58 Bộ luật hình sự. Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự (đối với bị cáo Đ)

Xử phạt: Bị cáo Đặng Ngọc C 36 (Ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 60 (Sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

Bị cáo Nguyễn Mạnh H 36 (Ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 60 (Sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án.

Bị cáo Lê P Đ 36 (Ba mươi sáu) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 60 (Sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án. Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Đ nếu không bị tạm giam về một tội khác.

Giao bị cáo Đặng Ngọc C, Nguyễn Mạnh H cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện T, tỉnh Bắc Ninh giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Giao bị cáo Lê P Đ cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa giám sát giáo dục trong thời gian thử thách

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc người đó phải chấp hành hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật hình sự. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Các bị cáo Nguyễn Văn P, Đặng Ngọc C, Nguyễn Mạnh H và Lê P Đ mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

3. Về quyền kháng cáo: Căn cứ Điều 330, 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bắc Ninh;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND tỉnh Bắc Ninh;
- Sở tư pháp tỉnh Bắc Ninh; Công an tỉnh Bắc Ninh;
- THA dân sự Tp. Bắc Ninh;
- Trại tạm giam KV thành phố B;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thanh Ngọc

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân

Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Như H

Nguyễn Văn Hiệp

Đỗ Thanh Ngọc

